

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÔNG TÁC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

■ Ths. LẠI ĐỨC VƯỢNG (*)

Hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT) là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhằm tạo ra bước chuyển biến mới về cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, về năng lực kinh doanh của doanh nghiệp, của mọi thành phần kinh tế đồng thời mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, kiến thức quản lý để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định chủ trương: "... Phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh có hiệu quả và bền vững". Để thực hiện chủ trương đó, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 07/NQ-TW (ngày 27-11-2001) về hội nhập kinh tế quốc tế. Đây là một Nghị quyết rất quan trọng định hướng mở cửa, hội nhập cho nền kinh tế nước ta trong thời kỳ mới, tác động sâu rộng đến các ngành, các cấp, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần trong nền kinh tế. Để quán triệt nội dung cơ bản của Nghị quyết chúng ta bắt đầu xem xét toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế tác động gì đến nền kinh tế các nước và kinh tế Việt Nam nói riêng, tạo ra những cơ hội và thách thức gì cho nền kinh tế nước ta. Đường lối hội nhập quốc tế của Đảng ta trong công cuộc đổi mới và tiến trình hội nhập của nước ta trong thời gian qua. Cuối cùng là nhận rõ mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và chương trình hội nhập kinh tế quốc tế cho thời gian tới.

Một trong những nhiệm vụ cụ thể trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đó là công tác đào tạo nguồn nhân lực. Ngày 11/7/2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định

số 137/2003/QĐ-TTg về việc Phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2003-2010. Đây là một yếu tố rất quan trọng để các bộ, ngành ở trung ương, địa phương tổ chức triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tại đơn vị, tổ chức của mình.

I. Quan điểm, mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác hội nhập kinh tế quốc tế

Nghị quyết số 07/NQ-TW của Bộ Chính trị đã xác định là tiếp tục cụ thể hoá đường lối hội nhập, thúc đẩy tiến trình hội nhập. "Nghị quyết này có ý nghĩa rất quan trọng đối với toàn Đảng, toàn dân và quân ta; liên quan tới tất cả các ngành, các cấp, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; là định hướng cho quá trình hội nhập". Nghị quyết đã chỉ rõ một trong những nhiệm vụ cụ thể là "đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực" đó là một trong những điều kiện tiên quyết để chúng ta hội nhập vào nền kinh tế thế giới đảm bảo tính chủ động từ nhận thức đến hành động để hội nhập thành công, tranh thủ được ngoại lực, phát huy được nội lực, giữ gìn bản sắc dân tộc, bảo đảm độc lập tự chủ trong điều kiện hội nhập sâu rộng với thế giới. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác HNKTQT phải có sự tham gia của tất cả các tổ chức, cá nhân, phát huy mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải đáp ứng việc trang bị kiến thức, kỹ năng và ý thức chính trị, tinh thần dân tộc. Xác định đây là trận chiến về trí tuệ, cần sự tỉnh táo, khôn khéo, chống giản đơn, nôn nóng nhưng cũng để phòng tính thụ động, trì trệ, bỏ lỡ cơ hội. Để chủ động đào

(*) Vụ Đào tạo - Bộ Nội vụ

tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác HNKTQT thành công chúng ta phải xây dựng kế hoạch cụ thể, hợp lý, đáp ứng đòi hỏi của đất nước, tranh thủ được ưu đãi mà các tổ chức quốc tế dành cho các nước đang phát triển. Cần chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác HNKTQT trên lĩnh vực an ninh, quốc phòng. Đây là nguyên tắc quan trọng để vừa hợp tác vừa đấu tranh, để đạt mục tiêu chung là xây dựng thành công nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng từ 2003 đến năm 2010 là có được đội ngũ những người làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế thông thạo về nghiệp vụ, ngoại ngữ, am hiểu luật pháp quốc tế, đáp ứng được những yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

Giai đoạn đầu từ năm 2003-2005, cần xây dựng được hệ thống chương trình giáo trình, tài liệu về hội nhập kinh tế quốc tế hoàn chỉnh phục vụ đào tạo, bồi dưỡng các đối tượng tham gia công tác hội nhập kinh tế quốc tế; đào tạo được đội ngũ giáo viên (bao gồm cả giáo viên kiêm chức) đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ tham gia công tác hội nhập kinh tế quốc tế; tiến hành quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cho được đội ngũ cán bộ chủ chốt tham gia trực tiếp vào công tác hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Giai đoạn 2006-2010, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện nâng cao chất lượng chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chuyên sâu; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; tiến hành đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các đối tượng tham gia hội nhập và đào tạo được một số chuyên gia về hội nhập kinh tế quốc tế trên các lĩnh vực.

II. Tình hình triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng về HNKTQT.

Trước khi có Quyết định số 137/2003/QĐ-TTg, ở nước ta, lực lượng tham gia công tác hội nhập kinh tế quốc tế bước đầu đã được xây dựng, tập trung chủ yếu ở số

cán bộ làm công tác kinh tế đối ngoại và quản lý kinh doanh. Họ là những người trực tiếp thực hiện chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước, đã góp phần vào những kết quả ban đầu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Bộ Nội vụ tiến hành điều tra nhanh tại 23 bộ, ngành trung ương và 48 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho thấy, trong số các cán bộ làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế thuộc các cơ quan quản lý Nhà nước ở trung ương và địa phương, các cán bộ đã qua đào tạo, bồi dưỡng về hội nhập kinh tế quốc tế còn rất thấp. Trong tổng số 2.012 cán bộ làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế của các cơ quan nói trên, số người được đào tạo về lĩnh vực công tác này chiếm 9,4%; số đã qua bồi dưỡng chiếm 35%. Số cán bộ quản lý các doanh nghiệp (cả doanh nghiệp Nhà nước và các thành phần kinh tế khác) và số cán bộ chuyên môn tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế được đào tạo, bồi dưỡng về công tác hội nhập cũng rất hạn chế. Nhìn chung, họ còn ít hiểu biết về thị trường thế giới, luật pháp quốc tế, luật pháp về kinh tế, thương mại của các nước đối tác, chưa hiểu biết sâu về nghiệp vụ chuyên môn và chưa nắm bắt nhanh những chuyển biến trên thị trường quốc tế để có ứng xử kịp thời, chưa nắm vững kỹ năng thương thuyết và trình độ ngoại ngữ chưa thật giỏi. Đối với đội ngũ luật sư, thẩm phán, công chứng viên, chấp hành viên, thư ký toà và các chức danh tư pháp liên quan đến công tác hội nhập kinh tế quốc tế mới chỉ được đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và với số lượng rất ít cùng với nội dung chương trình dàn trải chưa thiết thực, chưa phản ánh nội dung hội nhập kinh tế.

Từ năm 2000, hàng năm ngân sách Nhà nước dành hơn 100 tỷ đồng vào việc đào tạo ở nước ngoài cho cán bộ khoa học, kỹ thuật, các nhà giáo, cán bộ quản lý khoa học, kỹ thuật đang công tác tại các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học, phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, các trung tâm công nghệ cao; cán bộ khoa học, kỹ thuật

đang trực tiếp chỉ đạo sản xuất kinh doanh, tham gia hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, học sinh, sinh viên giỏi có tài năng, có phẩm chất đạo đức tốt tại các cơ sở nước ngoài. Cũng từ năm 2002, hàng năm ngân sách Nhà nước dành hơn 10 tỷ đồng đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước cho đội ngũ cán bộ quản lý đương chức, cán bộ nguồn, thời gian từ 1 tuần đến 3 tháng.

Những hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kể trên, mới dừng lại việc: phổ biến, quán triệt các chủ trương chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước, kiến thức về luật pháp quốc tế, các hiệp định thương mại quốc tế và một số nghiệp vụ cụ thể phục vụ quá trình đàm phán, tổ chức hội nghị, hội thảo đã được các bộ, ngành ở trung ương triển khai. Tuy nhiên đây mới chỉ là những hoạt động mang tính ứng phó với quá trình toàn cầu hoá và sức ép của hội nhập và cạnh tranh trong khu vực cùng như trên bình diện toàn cầu. Có thể nhận định đây là những phản ứng mang tính hình thức chưa bộc lộ các mối quan hệ bản chất bên trong và tất nhiên là thiếu những căn cứ và điều kiện để hình thành các hoạt động mang tính đồng bộ, tính ổn định, phát triển bền vững đội ngũ làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

Từ khi có Quyết định số 137/2003/QĐ-TTg, Bộ Nội vụ đã chủ trì phối hợp với Bộ Thương mại, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Toà án Nhân dân tối cao, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tích cực triển khai việc xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng tham gia hội nhập kinh tế quốc tế và đồng thời tổ chức các khóa học trên phạm vi toàn quốc. Các chương trình, tài liệu dành cho cán bộ, công chức hành chính làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế (tài liệu "Kiến thức cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế") hay gọi là chương trình, tài liệu cơ bản đã được Bộ Thương mại tiến hành thẩm định và ban hành. Đối với các chương trình, tài liệu dành cho các chức danh tư pháp, lực lượng lao động tham gia hội nhập và cán bộ quản lý

nhà nghiên cứu, giảng viên của các viện nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và sinh viên đang bắt đầu xây dựng.

Ở TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, và một số địa phương khác đã chủ động triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác hội nhập kinh tế quốc tế trong năm 2004 và năm 2005. Các địa phương, phối hợp với Bộ Thương mại, ủy ban hợp tác kinh tế quốc tế tổ chức các khóa học dành cho cán bộ chủ chốt từ cấp tỉnh đến huyện và các cán bộ quản lý doanh nghiệp thuộc địa phương và đạt kết quả rất khả quan. Tuy nhiên việc triển khai công tác này ở các địa phương còn rất chậm so với yêu cầu thực tế, đòi hỏi chúng ta cần có những phương pháp mới, hình thức đào tạo, bồi dưỡng mới để thúc đẩy nội dung đào tạo, bồi dưỡng HNKTQT.

Theo số liệu thống kê trong năm 2004 (đến tháng 12-2004), các nhóm đối tượng là cán bộ quản lý cấp vụ, sở, ban, ngành và các chức danh tương đương ở các bộ, ngành trung ương, địa phương, cán bộ, công chức hành chính (*ngạch chuyên viên trở lên*) trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế, cán bộ quản lý các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng (cả doanh nghiệp Nhà nước và các thành phần kinh tế khác). Nhóm đối tượng là thẩm phán, chấp hành viên, công chứng viên, luật sư, thư ký toà, trọng tài viên và các chức danh tư pháp khác, nguồn thẩm phán. Nhóm đối tượng là cán bộ quản lý, nghiên cứu viên, giảng viên của các viện nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, học sinh, sinh viên... đã được đào tạo, bồi dưỡng theo các nội dung về kiến thức cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế, các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế; các cam kết quốc tế của Việt Nam về hợp tác kinh tế - thương mại; thị trường thế giới, luật pháp quốc tế, luật pháp của các nước đối tác; hệ thống luật pháp của các tổ chức thương mại thế giới; các hiệp định thương mại song phương và các tổ chức đa

phương khác. Những kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng hội nhập kinh tế quốc tế của từng lĩnh vực tham gia hội nhập. Các kiến thức cơ bản về kinh tế phát triển, thương mại quốc tế, luật pháp quốc tế; nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng xây dựng luật pháp, xây dựng chính sách kinh tế - thương mại, các công cụ và biện pháp bảo vệ các quyền lợi chính đáng của các doanh nghiệp trong nước; hiểu rõ về các rào cản thương mại của các nước, kỹ năng đàm phán, khai thác thông tin về thị trường quốc tế; kinh nghiệm giải quyết tranh chấp thương mại của nước ngoài, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Các kiến thức chuyên sâu về chuyên môn nghiệp vụ hội nhập kinh tế quốc tế. Tin học, ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh), ngôn ngữ và phong tục tập quán của các nước có quan hệ hợp tác với Việt Nam.

Tính từ tháng 1 đến tháng 12- 2004:

Nhận xét, đánh giá:

- Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực,

Đối tượng	Tổng số (lượt người)
CB, CC trực tiếp tham gia công tác HNKQT	23.139
Giáo viên và chuyên gia đầu ngành.	250
CCHC thuộc Bộ LĐ, TB và XH	226
CB, CC của ngành LĐ, TB và XH	1012
Cán bộ nguồn Thẩm phán	534
Luật sư	3200
Chấp hành viên	2095
Công chứng viên	180
Các chức danh tư pháp khác	370
Thẩm phán, Thẩm tra viên	2610
Tổng:	33.616

chủ động triển khai đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch được duyệt, một số tỉnh đã chủ động gửi các cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở của Trung ương trên nhiều nội dung. Kết quả là một số lượng lớn cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng về HNKQT.

- Bộ Nội vụ chủ động triển khai kế hoạch theo nhiệm vụ được giao, tích cực, chủ động bám sát thực tế tình hình đào tạo, bồi dưỡng tại các bộ ngành, địa phương. Bộ Nội vụ đã

chủ trì phối hợp với các Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn ngân sách thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch. Tuy nhiên việc tổng hợp các thông tin từ các tỉnh và các bộ, ngành liên quan chưa thường xuyên, liên tục và chưa chủ động triển khai kế hoạch.

- Việc biên soạn chương trình, tài liệu triển khai chưa đồng đều giữa các cơ quan được giao. Một số nội dung kiến thức trùng lặp giữa các bộ chương trình, tài liệu của các bộ, ngành được giao về kiến thức HNKQT cần được chỉnh sửa.

- Việc xây dựng chương trình, tài liệu đối với các đối tượng còn những khó khăn về việc xác định nội dung phù hợp với đối tượng đó. Tiến độ biên soạn, viết tài liệu chậm so với yêu cầu.

- Nội dung, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giáo viên chưa được đổi mới theo đối tượng và yêu cầu thực tế.

- Kinh phí chưa đáp ứng với nhu cầu thực tế. Tuy nhiên việc quản lý và sử dụng lúc đầu còn nhiều lúng túng, thiếu sự hướng dẫn của Bộ Tài chính...

III. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch

- Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình, tài liệu đã ban hành dành cho các đối tượng cụ thể đã nêu trong kế hoạch.

- Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thương mại, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Toà án Nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc triển khai kế hoạch và chất lượng các khoá học.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

- Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nói chung và đào

(Xem tiếp trang 50)

do đó việc tiến hành cần hết sức thận trọng. Muốn thực hiện thành công chúng ta cần tạo ra sự thống nhất cao trong xã hội về sự cần thiết và mục đích, ý nghĩa của cải cách. Sự ủng hộ của nhân dân, sự nỗ lực của Chính phủ và những người lãnh đạo là những nhân tố quan trọng đảm bảo tính hiện thực, tính liên tục và hiệu quả của cải cách. Đồng thời, phải xác định rõ các nguyên tắc, mục tiêu chủ yếu của cải cách và biết tìm ra những nội dung, biện pháp thích hợp trong từng giai đoạn. Để bảo đảm tính hiệu quả, cải cách phải chú trọng khâu xây dựng thể chế. Không chỉ chủ trương, chính sách mà kể cả các giải pháp thực hiện cải cách cũng cần phải được thể chế hoá nhằm tạo ra cơ sở pháp lý và sự bảo đảm cần thiết về mặt Nhà nước nhằm đạt được các mục tiêu mà cải cách đặt ra. Cải cách hành chính là một quá trình liên tục, kinh nghiệm cho thấy rằng bất cứ quốc gia nào cũng cần phải nỗ lực cải cách nhằm chống lại sự tụt hậu. Tuy vậy cũng cần thấy rằng không có một mô hình thống nhất và lý tưởng chung để các nước có thể rập khuôn, mà mỗi nước phải tiến hành sao cho phù hợp với điều kiện cụ thể của nước mình và đạt được hiệu quả cao nhất. ■

Tài liệu tham khảo:

- Hành chính học và cải cách hành chính - Vũ Huy Từ chủ biên, Nhà xuất bản chính trị quốc gia năm 1998.
- Nền hành chính công hiện đại và kinh nghiệm của một số nước về cải cách nền hành chính công (Dự án ADB 2673 - VIE, năm 1998.
- Tọa đàm quốc tế về cải cách nền hành chính nhà nước tháng 9 năm 1996.
- Các vấn đề mang tính chiến lược trong cải cách hành chính. Giáo sư Martin Minogue. Tọa đàm quốc tế về hướng tới một chiến lược cải cách hành chính. Hà nội tháng 12/1999.
- Nhật Bản - Những biến đổi chủ yếu về chính trị trong những năm 1990 và triển vọng - Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. 2001.
- Tìm hiểu nền hành chính Nhật bản hiện nay. Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản. Nhà

xuất bản khoa học xã hội. 1996.
- Bản tin CCHC số 37 tháng 7 năm 2003; số 29 tháng 11 năm 2002; số 24 tháng 6 năm 2002; số 7 tháng 1 năm 2001.

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực...

(Tiếp theo trang 16)

tạo, bồi dưỡng về HNKTQT nói riêng. Đồng thời cần có cơ chế đa dạng hóa nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hội nhập kinh tế quốc tế. Nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước cần tập trung vào các nhiệm vụ: xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; trang thiết bị dạy và học; tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, chuyên gia, luật sư giỏi, công nhân lành nghề bậc cao.

- Tăng cường quan hệ hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế và dành nguồn kinh phí thích đáng để cử các cán bộ tham gia hội nhập kinh tế quốc tế đi học tập, tham quan, khảo sát ở nước ngoài.

- Các bộ, ngành và địa phương cần có sự phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó Bộ Thương mại, Bộ Tư pháp, Toà án Nhân dân tối cao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có vai trò chủ đạo quan trọng.

Nhìn chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng về HNKTQT đã đạt được những kết quả nhất định, song vẫn còn hạn chế. Từ đó cho thấy công tác này đang đứng trước những thách thức lớn, trước những mâu thuẫn gay gắt giữa một bên là nhu cầu to lớn về đào tạo, bồi dưỡng về HNKTQT và một bên là khả năng đáp ứng còn rất hạn chế; mâu thuẫn giữa một bên là sức ép của hàng loạt những nội dung, kiến thức mới cần phải được đào tạo, bồi dưỡng những yêu cầu của quy trình đào tạo mới và một bên là nội dung phương pháp đào tạo, bồi dưỡng theo lối cũ và có nhiều vấn đề không còn phù hợp.v.v... ■